

Số: /QĐ -UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La
thời kỳ 2025-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1562/QĐ-TTg ngày 18/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025-2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 216/TTr-SKHCN ngày 25/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Viễn thông, Bộ KH&CN;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Hà.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
THỜI KỲ 2025-2030****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

- Cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 1562/QĐ-TTg ngày 18/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Kế hoạch số 333-KH/TU và Kế hoạch 142/KH-UBND.

- Là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp liên quan tổ chức thực hiện; tăng cường công tác quản lý, phối hợp chặt chẽ triển khai phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Yêu cầu

- Phát triển hạ tầng số, mạng viễn thông băng rộng bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại; hạ tầng điện toán đám mây; hạ tầng Internet vạn vật (IoT) được tích hợp rộng rãi bảo đảm phát triển hài hòa phục vụ tốt chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, xã hội số, công dân số, kinh tế số...

- Hạ tầng số được ưu tiên phát triển, bảo vệ và được triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm và các hạ tầng kỹ thuật khác.

- Phát triển hạ tầng số đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và theo nguyên tắc dùng chung, chia sẻ hạ tầng; dịch vụ hạ tầng số đa dạng, bền vững đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU**1. Mục tiêu năm 2025**

a) Hạ tầng viễn thông - Internet

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 15\%$.

- Phần đầu $\geq 60\%$ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.

b) Hạ tầng dữ liệu

- Hình thành trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

c) Hạ tầng vật lý - số

- Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) sẵn sàng tại tất cả các khu công nghiệp, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo.

d) Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ

- 10% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Triển khai các nền tảng cung cấp các công nghệ số theo hướng dẫn (IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, an ninh mạng,...) như dịch vụ, đóng vai trò là hạ tầng mềm để phát triển kinh tế, xã hội.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Hạ tầng viễn thông - Internet

Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo.

- 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên.

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.

- Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 90%; chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet trên địa bàn tỉnh sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only, Internet of Things.

b) Hạ tầng dữ liệu

Trung tâm dữ liệu, Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đáp ứng đủ nhu cầu lưu trữ dữ liệu của toàn bộ các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Hạ tầng vật lý - số

- Phát triển hạ tầng vật lý số, tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu (giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị).

- Trung bình mỗi người dân có 03 kết nối Internet vạn vật (IoT- Internet of Things).

d) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

- 30% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số (*bao gồm các nền tảng số: định danh số, xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu*).

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển hạ tầng viễn thông và Internet

a) Phát triển, mở rộng hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao, độ trễ thấp đến các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, các khu công nghiệp cao, bệnh viện, trường học, các khu du lịch...; sẵn sàng kết nối mạng cáp quang băng rộng đến 100% hộ gia đình có nhu cầu.

b) Đầu tư mở rộng hạ tầng băng rộng di động 5G tại các khu vực trọng điểm: Khu vực hành chính công; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch trọng điểm; cơ sở y tế; các trường cao đẳng, đại học; đầu mối giao thông; dọc tuyến đường bộ, các trung tâm thương mại; khu công nghiệp; khu vực tập trung đông dân cư; các tòa nhà thương mại, khách sạn; các đô thị và khu vực trọng điểm ở nông thôn.

c) Tăng cường chia sẻ, dùng chung hạ tầng kỹ thuật với các ngành khác (giao thông, điện, chiếu sáng...) để phát triển hạ tầng viễn thông bền vững, bảo đảm hiệu quả đầu tư; Chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật dùng chung giữa các doanh nghiệp viễn thông để mở rộng vùng phủ sóng mạng di động 4G, 5G cũng như giảm thiểu chi phí đầu tư và mỹ quan đô thị.

d) Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, quản lý tài nguyên, môi trường ...; kết hợp tối đa với hạ tầng do các tổ chức, cá nhân đã đầu tư, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

e) Xây dựng, triển khai Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Phát triển hạ tầng dữ liệu

a) Triển khai Trung tâm điều hành thông minh, Trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung, của tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây đủ năng lực cung cấp môi trường cài đặt, duy trì hoạt động các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh và ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị theo công nghệ điện toán đám mây. Đề xuất và triển khai phương án dự phòng cho Trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung theo tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

b) Đầu tư, nâng cấp, duy trì, hoạt động một cách thường xuyên, ổn định nền tảng trực tích hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh nhằm kết nối các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh.

c) Tiếp tục duy trì hoạt động cổng dữ liệu mở của tỉnh, đảm bảo kết nối với CSDL của các ngành, lĩnh vực, địa phương nhằm chia sẻ, khai thác CSDL phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền cho người dân, doanh nghiệp.

3. Phát triển Hạ tầng vật lý - số

a) Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng theo hướng hiện đại, tiên tiến, thống nhất, tập trung, xuyên suốt, băng thông rộng, tốc độ cao, kết nối an toàn, có dự phòng và khả năng mở rộng đáp ứng các yêu cầu kết nối liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc.

b) Rà soát lập phương án triển khai hạ tầng công nghệ thông tin tại trụ sở các xã, phường mới được thành lập đảm bảo hoạt động thông suốt các hệ thống

thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh và ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị.

c) Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

d) Phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh... để nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

4. Phát triển Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

a) Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả các nền tảng số như: Định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số. Tích hợp dữ liệu CSDL quốc gia như: CSDL quốc gia về dân cư, CSDL căn cước công dân, CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh, CSDL chữ ký số và CSDL khác.

b) Tập trung triển khai IPv6 trong toàn bộ các cơ quan nhà nước, các hệ thống thông tin.

c) Đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công nghệ AI, Bigdata, blockchain, IoT để thông minh hóa, tự động hóa các hoạt động kinh tế, xã hội.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao năng lực khai thác hạ tầng số

a) Tổ chức các Hội nghị, hội thảo về hạ tầng số, kết hợp với cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển hạ tầng số, khuyến khích các doanh nghiệp tập trung đầu tư phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

b) Truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

c) Tuyên truyền, phổ biến những đặc tính, khả năng đáp ứng, cung cấp dịch vụ của hạ tầng băng rộng cố định, băng rộng di động chất lượng cao (5G, 6G) để các tổ chức, cá nhân, nắm bắt, xác định nhu cầu (về tốc độ, độ trễ, ...) theo từng mục đích sử dụng (y tế, giáo dục, thương mại điện tử, ...).

2. Ưu tiên phát triển hạ tầng số

a) Ưu tiên phát triển, duy trì hạ tầng số như hạ tầng giao thông, năng lượng; Trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch của từng địa phương phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng).

b) Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình xây dựng phát triển hạ tầng viễn thông thụ động, chỉnh trang, ngầm hóa mạng cáp viễn thông đồng bộ với hạ tầng ngành khác (giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, chiếu sáng, năng lượng) theo nguyên tắc tăng cường chia sẻ, dùng chung, đảm bảo hiệu quả, giảm chi phí đầu tư.

c) Tăng cường, phối hợp, thúc đẩy chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của các doanh nghiệp viễn thông bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương án chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động, tích cực).

d) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho hạ tầng dùng chung của các cơ quan nhà nước; tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, khai thác, chia sẻ, phân tích và điều phối dữ liệu của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.

3. Huy động nguồn lực, bảo đảm kinh phí thực hiện

a) Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí (bao gồm nguồn kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư) theo phân cấp ngân sách hiện hành để triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch do tỉnh thực hiện.

b) Doanh nghiệp viễn thông đề xuất với tập đoàn bảo đảm kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch này do doanh nghiệp triển khai, ưu tiên tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng, phát triển hạ tầng số, các nền tảng số cho các ngành, lĩnh vực, địa phương.

c) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số, đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng số, công nghệ blockchain cho đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân; Tạo mối liên kết về nhân lực giữa cơ sở giáo dục, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh với các doanh nghiệp viễn thông.

4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, quyền lợi người dùng

a) Thực thi văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và văn bản hướng dẫn thi hành về bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong phát triển hạ tầng số, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình.

c) Bảo vệ quyền lợi người sử dụng, ứng phó, xử lý ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trên hạ tầng viễn thông.

d) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng khi cung cấp các dịch vụ trên nền tảng số cho tổ chức, cá nhân; có phương án, hệ thống dự phòng bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các tình huống xấu nhất.

5. Kiểm tra, giám sát

a) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện kế hoạch, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

b) Công khai, minh bạch thông tin về chương trình, chính sách, quy trình phê duyệt và quản lý sử dụng kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin chủ động bố trí kinh phí và các nguồn lực của doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tham mưu UBND xây dựng và triển khai: Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, các nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số; tăng cường dùng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng của các ngành khác...

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền về nội dung Kế hoạch này và kết quả phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.

- Hướng dẫn, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, tạo sự đồng thuận để phát triển nhanh, an toàn, bền vững hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tăng cường công tác quản lý nhà nước về viễn thông, hạ tầng số; triển khai các giải pháp định hướng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã có liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp trong việc triển khai phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, các nhân có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch phát triển hạ tầng số; Tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai kế hoạch, đảm bảo phù hợp với tiến trình thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường và các đơn vị liên quan tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định hiện hành.

3. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng và tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong công trình xây dựng dân dụng và các công trình giao thông vào hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ được giao.

- Hỗ trợ, phát triển, duy trì hạ tầng số như hạ tầng giao thông, năng lượng; Trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch của từng địa phương phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng); Phối hợp, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng.

- Tuyên truyền trên công/trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, hệ thống thông tin cơ sở nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của hạ tầng số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, nâng cao kỹ năng số cơ bản cho cán bộ công chức, viên chức và người dân trên địa bàn tỉnh.

5. Các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân có liên quan

- Tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình xây dựng; chấp hành các quy định và tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông, hạ tầng kỹ thuật liên ngành.

- Đề xuất với tập đoàn bảo đảm kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này do doanh nghiệp triển khai. Triển khai đảm bảo phủ sóng để xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn tỉnh.

6. Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh: Tăng cường thông tin tuyên truyền tạo sự đồng thuận của người dân và xã hội hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng số, tập trung tuyên truyền cho người dân sử dụng các nền tảng số để hình thành công dân số.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các doanh nghiệp viễn thông nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ trước **ngày 30 tháng 11 hàng năm** báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ). Riêng các doanh nghiệp viễn thông định kỳ quý (ngày 15 tháng cuối quý), 6 tháng (ngày 15 tháng 6) báo cáo kết quả triển khai về sở Khoa học và Công nghệ. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2025-2030

TT	Nội dung/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Phát triển hạ tầng viễn thông và Internet			
1	Phát triển, mở rộng hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
2	Đầu tư mở rộng hạ tầng băng rộng di động 5G tại các khu vực trọng điểm, khu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025-2030
3	Tăng cường chia sẻ, dùng chung hạ tầng kỹ thuật với các ngành khác (giao thông, điện, chiếu sáng...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Điện lực; Doanh nghiệp viễn thông	Thường xuyên
4	Xây dựng, triển khai Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025-2030
II	Phát triển hạ tầng dữ liệu			
1	Triển khai Trung tâm dữ liệu của tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã;	2025-2030
2	Đầu tư, nâng cấp, duy trì, hoạt động nền tảng trực tích hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã;	2025-2030
3	Tiếp tục duy trì hoạt động cổng dữ liệu mở của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã;	2025-2030
III	Phát triển Hạ tầng vật lý - số			

TT	Nội dung/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Rà soát lập phương án triển khai hạ tầng Công nghệ thông tin tại trụ sở các xã, phường mới được thành lập.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã;	2025-2026
2	Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
3	Phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh...	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
IV	Phát triển Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ			
1	Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả các nền tảng số (Định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số)	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
2	Tập trung triển khai IPv6 trong toàn bộ các cơ quan nhà nước, các hệ thống thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã;	2025-2030
3	Đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công nghệ AI, Bigdata, blockchain, IoT để thông minh hóa, tự động hóa các hoạt động kinh tế, xã hội.	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên